

KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG NGUỒN PHÂN BÒ TẠI HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Kiều Đỗ Minh Luân*, Trần Nguyễn Dương**

TÓM TẮT

Hoạt động chăn nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long chiếm khoảng 25% từ lợi tức nông nghiệp và đóng một vai trò quan trọng trong cải thiện thu nhập của các hộ nông dân nghèo ở trong vùng. Ngoài chăn nuôi heo và gia cầm, chăn nuôi bò đang ổn định và phát triển trong những năm qua từ chính sách phát triển của Nhà nước và các chương trình xóa đói giảm nghèo của các tổ chức Chính phủ và Phi chính phủ. Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang là huyện có tỷ lệ chăn nuôi bò nhiều nhất. Đa số các hộ dân chăn nuôi bò tự thả không chuồng trại nên việc giữ gìn vệ sinh môi trường chưa được chú trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Mục tiêu của bài báo là khảo sát và đánh giá hiện trạng nguồn phân bò tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để làm cơ sở giúp đưa ra các biện pháp quản lý nguồn phân bò tốt hơn đảm bảo an sinh xã hội và sức khỏe của người dân nơi đây.

Từ khóa: chăn nuôi, môi trường.

ABSTRACT

Livestock production in the Mekong Delta accounts for about 25% of agricultural income and plays an important role in improving the income of poorer farmers in the region. In addition to raising pigs and poultry, cattle production has been stabilized and developed over the past years from government development policy and poverty reduction programs of governmental and non-governmental organizations. Tri Ton district, An Giang province has the highest rate of cattle raising. Most of the cattle-raising households do not have their own stable so they do not pay much attention to the health of the people. The objective of this paper is to investigate and assess the status of cattle manure in Tri Ton district, An Giang province as a basis for better management of cow dung resources to ensure social security and health of the people here.

Keywords: livestock, environment.

1. Đặt vấn đề:

Nuôi bò là nét đặc trưng của đồng bào dân tộc Khmer của huyện Tri Tôn, tỉnh An

Giang. Đa số người dân ở đây chăn nuôi bò thả không chuồng trại nên việc giữ gìn vệ sinh môi trường chưa được chú trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân chăn nuôi. Việc chăn nuôi với số lượng ngày càng tăng nên việc quản lý gặp rất nhiều khó khăn đã trở thành điểm nóng về ô nhiễm môi trường do phân bò không được xử lý kịp thời đã gây tác động

* Thạc sĩ, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ - Môi trường, Trường Đại học An Giang

** Sinh viên khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Đại học An Giang

xấu đến nguồn nước, đất và không khí làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người chăn nuôi bò nói riêng và các hộ dân cư xung quanh nói chung. Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành khảo sát đánh giá hiện trạng nguồn phân bò tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để làm cơ sở giúp đưa ra các biện pháp quản lý nguồn phân bò tốt hơn.

2. Nội dung nghiên cứu:

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Thu thập dữ liệu thứ cấp: Thu thập dữ liệu về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình trạng chăn nuôi bò từ Phòng Tài nguyên & Môi trường, UBND các xã Lương Phi, An Túc, Ô Lâm, Cô Tô, Châu Lăng tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Thu thập dữ liệu sơ cấp: số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp điều tra

phỏng vấn.

+ Đối tượng phỏng vấn: đối tượng phỏng vấn là 150 hộ dân chăn nuôi bò thả được chọn ngẫu nhiên tại xã Lương Phi, Cô Tô, Châu Lăng, Ô Lâm, An Túc (mỗi xã 30 hộ dân).

+ Nội dung phỏng vấn: số lượng bò được nuôi tại mỗi hộ, ảnh hưởng của lượng phân bò phát sinh đến môi trường, các phương pháp xử lý phân bò.

+ Phương pháp xử lý số liệu: dùng phần mềm SPSS 20 xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê mô tả.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận:

2.2.1. Hiện trạng chăn nuôi bò thả tại huyện Tri Tôn:

Hiện trạng số lượng đàn bò được thu thập tại 5 xã trên địa bàn huyện Tri Tôn được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Số lượng đàn bò tại 5 xã trên địa bàn huyện Tri Tôn [1]

Tên xã	Hộ chăn nuôi	Số lượng bò	Bò trưởng thành	Bê	Bình quân số lượng bò chăn nuôi (con/hộ)
Lương Phi	385	977	800	177	2 đến 3 con
An Túc	1135	3890	3700	190	3 đến 4 con
Ô Lâm	1527	4809	4319	490	3 đến 4 con
Cô Tô	1002	1370	1200	170	1 đến 2 con
Châu Lăng	394	1170	980	190	2 đến 3 con

Qua số liệu từ bảng 1 nhận thấy xã Ô Lâm có số lượng hộ chăn nuôi bò nhiều nhất với 1527 hộ, bò trưởng thành là 4319 con, bò bê 490 con, tiếp đến là xã An Túc với 1135 hộ nuôi với tổng số lượng 3890 con, xã Cô Tô cũng có 1002 hộ chăn nuôi, tổng số lượng bò là 1370 con. Bình quân số hộ chăn nuôi ở 5

xã này có số lượng bò mỗi hộ từ 2 đến 3 con cho thấy được những hộ chăn nuôi ở đây chăn nuôi nhỏ lẻ, cuộc sống còn nghèo, chủ yếu là hoạt động chăn nuôi thả. Kết quả khảo sát về hoạt động chăn nuôi bò khi xử lý phần mềm SPSS thu được kết quả như bảng 2.

Bảng 2. Số liệu thống kê số lượng, trọng lượng trung bình mỗi con và tổng trọng lượng bò trưởng thành, bò con

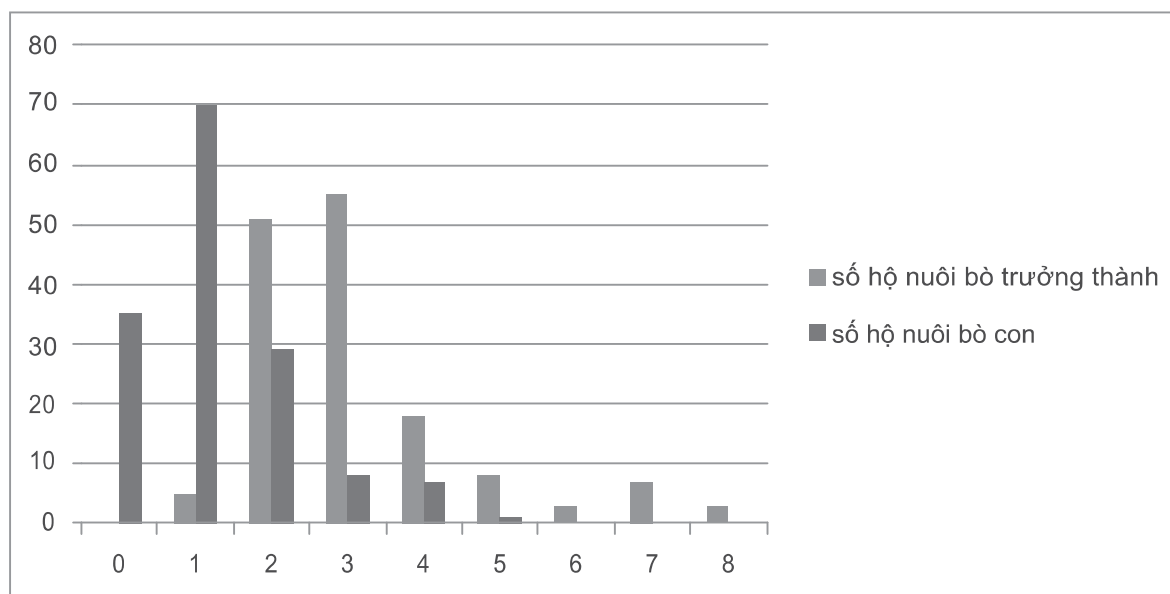
Số lượng bò trưởng thành (con)	Số lượng bò con (con)	Trọng lượng trung bình của bò trưởng thành (kg)	Trọng lượng trung bình của bò con (kg)	Tổng trọng lượng của bò trưởng thành (kg)	Tổng trọng lượng trung bình của bò con (kg)
475	186	150	40	23100	4858

Qua số liệu từ bảng 2 cho thấy trong 5 xã Châu Lăng, Lương Phi, An Tứ, Ô Lâm, Cô Tô với số lượng bò trưởng thành là 475 con, trọng lượng trung bình là 150kg/con. Riêng với số liệu bò con thì số liệu xử lý cho thấy là 186 con với trọng lượng trung bình là 40kg/con.

Các chỉ tiêu ô nhiễm trong chất thải của gia súc đều cao hơn của người theo tỉ lệ tương ứng BOD5 là 5:1, N tổng là 7:1, TS là 10:1,... Khối lượng chất thải chăn nuôi tùy thuộc vào giống, độ tuổi, giai đoạn phát triển, khẩu phần thức ăn và thể trọng gia súc và gia cầm. Riêng

đối với gia súc, lượng phân và nước tiểu tăng nhanh theo quá trình tăng thể trọng. Nếu tính trung bình theo khối cơ thể thì lượng phân thải ra mỗi ngày của vật nuôi rất cao, nhất là đối với gia súc cao sản. Lượng phân gia súc, gia cầm thải ra hàng ngày tính trên % khối lượng cơ thể. [2]

Bò thịt: 5 – 8%. Vì vậy, với tổng trọng lượng của bò trưởng thành là 23100 kg tương đương lượng phân hàng ngày là 1155kg/ngày, tổng trọng lượng của bò con là 4858 kg tương đương lượng phân hàng ngày là 243 kg/ngày.



Biểu đồ 1. Số lượng hộ nuôi bò trưởng thành và bò con

Biểu đồ 1 cũng cho thấy rằng mức độ những hộ dân chăn nuôi với số lượng từ 1 đến 3 con là nhiều nhất. Số lượng bò từ 5 đến 8 con thì không đáng kể.

2.2.2. Nguồn tiếp nhận phân bón:

Nguồn tiếp nhận phân bón được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Nguồn tiếp nhận phân bón

Xã	Số hộ	Đường chăn thả	Chuồng trại	Đồng ruộng	Tỷ lệ
Lương Phi	30	30	30	30	100%
An Túc	30	30	30	30	100%
Ô Lâm	30	30	30	30	100%
Cô Tô	30	30	30	30	100%
Châu Lăng	30	30	30	30	100%

Hầu hết các hộ dân được phỏng vấn cho rằng phân bón đều thải ở dọc đường chăn thả, chuồng trại và đồng ruộng.

3.3. Ảnh hưởng của lượng phân bón phát sinh đến môi trường:

Nhận định của người dân về sự ảnh hưởng của phân bón đến môi trường được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Lượng phân bón ảnh hưởng đến môi trường

		Số hộ đồng ý	Tỷ lệ
Lượng phân bón thải trên đồng ruộng	Ảnh hưởng đến môi trường Đất	24/150	16%
	Ảnh hưởng đến môi trường Nước	28/150	18,7%
	Ảnh hưởng đến môi trường Không khí	29/150	19,3%
	Ảnh hưởng không đáng kể	114/150	76%
Ảnh hưởng đến chuồng trại	Đất	95/150	63,3%
	Nước	143/150	95,3%
	Không khí	140/150	93,3%
	Số lượng không đáng kể	5/150	3,3%
Ảnh hưởng đến dọc đường chăn thả	Đất	20/150	13,3%
	Nước	24/150	16%
	Không khí	22/150	14,7%
	Mỹ quan	141/150	94%
	Số lượng không đáng kể	124/150	82,7%

Qua quá trình xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS, kết quả thống kê cho thấy, số hộ cho rằng lượng phân bón ảnh hưởng ở chuồng trại nhiều nhất. Có 95.3% số hộ cho rằng lượng phân bón thải xung quanh chuồng trại ảnh hưởng đến nguồn nước, 93.3% là ảnh hưởng đến không khí. Trong khi đó, có 94% số hộ

cho rằng lượng phân bón thải dọc đường chăn thả làm ảnh hưởng tới mỹ quan.

2.2.3. Phương pháp xử lý phân bón:

Qua xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS thể hiện phần trăm các hộ dùng phương pháp xử lý phân bón ở 3 nguồn tiếp nhận: đồng ruộng, chuồng trại và dọc đường chăn thả.

Bảng 5. Phương pháp xử lý phân bón

Phương pháp xử lý	Có (gom lại và đưa về nhà và bán) (%)	Không (%)
Phương pháp xử lý lượng phân bón thải ra trên đồng ruộng	20	80
Phương pháp xử lý lượng phân bón thải ra tại chuồng trại	99,3	0,7
Phương pháp xử lý lượng phân bón thải ra trên dọc đường đi	18,7	81,3

Ta thấy việc xử lý thu gom phân bón gần chuồng trại là đều có thu gom lại thành đống, dự trữ trong hồ chứa phân và sau đó đem đi bán hoặc sử dụng với nhiều mục đích khác nhau. Với lượng phân thải trên đồng ruộng và dọc đường chăn thả thì họ ít có khi xử lý vì số lượng phân ở hai địa điểm này khá ít, không

đáng kể do đó làm ô nhiễm môi trường.

2.2.4. Chu kỳ bán phân bón:

Lượng phân bón được bán ra trong chu kỳ một năm được thể hiện qua bảng phỏng vấn, số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS thể hiện qua bảng 6.

Bảng 6. Chu kỳ bán phân bón của từng hộ dân

		Số hộ thực hiện	Tỉ lệ (%)
Chu kỳ bán	Từ 1 đến 3 tháng	2	1,3
	Từ 4 đến 6 tháng	32	21,3
	Từ 7 đến 10 tháng	66	44
	Từ 10 đến 12 tháng	50	33,3

Qua bảng số liệu 6, lượng phân bò được bán trong 3 tháng đầu chiếm tỷ lệ thấp nhất là 1,3% tương đương 2 hộ. Có 66 hộ tương đương 44% cho rằng lượng phân bò được hộ chăn nuôi dự trữ từ 7 đến 10 tháng mới được bán đi, một phần là do hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, số lượng bò dao động từ 2 đến 3 con nên lượng phân bò thải ra với số lượng ít nên thời gian dự trữ phân dài.

2.2.5. Lượng phân bò được tiêu thụ trên tổng lượng phân bò hiện có:

Qua xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS được thể hiện qua bảng 7. Hầu như lượng phân bò được hộ chăn nuôi đem đi bán, 99 hộ tương đương 66% cho rằng lượng phân bò bán đi so với lượng phân bò hiện có dao động từ 70% đến 100%. Có hai hộ cho rằng lượng phân bò bán đi so với lượng phân bò hiện có chiếm dưới 50% do số lượng bò ít với lại hai hộ chăn nuôi này tự sử dụng lượng phân bò này để bón cho cây trồng xung quanh nhà.

Bảng 7. Lượng phân bò bán ra so với lượng phân hiện có

	Số hộ chọn	Tỷ lệ
20% đến 50%	2	1,3%
50% đến 70%	49	32,7%
70% đến 100%	99	66%

2.2.6. Nguồn thu nhập từ phân bò:

Qua xử lý số liệu bằng SPSS được thể hiện qua bảng 8. Hầu hết người dân cho rằng nguồn thu nhập từ việc bán phân bò là không đáng kể.

Bảng 8. Nguồn thu nhập từ việc bán phân bò

	Số hộ	Tỷ lệ
Nhiều	17	11,3%
Không đáng kể	133	88,7%

2.2.7. Lượng phân bò còn lại có ảnh hưởng đến môi trường hay không:

Qua xử lý số liệu bằng SPSS được thể hiện qua bảng 9.

Bảng 9. Lượng phân bò còn lại có ảnh hưởng tới môi trường hay không

	Số hộ	Tỷ lệ
Có	123	82%
Không	27	18%

Từ bảng số liệu thấy rằng đa số hộ dân đều cho rằng ảnh hưởng đến môi trường. Nhưng do phong tục tập quán và thói quen sinh hoạt nên họ không quan tâm đến sức khỏe.

3. Kết luận

Qua khảo sát và đánh giá hiện trạng việc chăn nuôi bò hiện nay của người dân chủ yếu là chăn nuôi với số lượng nhỏ, diện tích đất eo hẹp, chuồng trại chung với nhà ở, chăn nuôi thả là hoạt động chính. Những hố chứa phân bò thường không có mái che là nơi hội tụ của những động vật ký sinh trùng như: ruồi, muỗi, nhặng... có mùi hôi thối khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe. Nước rửa chuồng chưa được quản lý một cách hợp lý gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt xung quanh như kênh, rạch quanh nhà. Các hộ chăn nuôi chưa có nhận thức cao về môi trường cũng như chưa nhìn thấy được các hậu quả do tình trạng ô nhiễm môi trường mang đến và cũng có thể là do kinh tế còn khó khăn. Do đó, Chính quyền địa phương cần có giải pháp bảo quản lưu trữ nguồn phân bò ở những hộ gia đình đúng quy chuẩn để duy trì hoạt động chăn thả, từ đó xử lý được nguồn

phân bò và tái sử dụng theo hướng có lợi cho xã hội, thu gom nước chuồng trại theo hướng hộ gia đình, xử lý nước thải chuồng trại theo hướng tập chung cho một xã, giáo dục và nâng cao ý thức vệ sinh môi trường cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UBND các xã Lương Phi, An Tức, Ô Lâm, Cô Tô, Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. (01/2018).
- [2] Nguyễn Thị Hoa Lý. (1994). *Nghiên cứu các chỉ tiêu nhiễm bẩn của nước thải chăn nuôi heo tập trung và áp dụng một số biện pháp xử lý*. Luận án phó tiến sĩ khoa học nông nghiệp. Trường Đại học Nông Lâm. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 27, 28, 34, 63.
- [3] Nguyễn Thị Hoa Lý, Hồ Kim Hoa. (2004). *Môi trường và sức khỏe vật nuôi*. Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Chăn nuôi thú y. Cục thú y, Trung tâm kiểm tra vệ sinh thú y TW II.

Ngày nhận bài: 23/6/2018

Ngày gửi phản biện: 28/6/2018